

Tuần 35

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

Trong tuần 35, sáu tiết đầu được dành cho việc ôn tập và kiểm tra miệng, hai tiết cuối dành cho kiểm tra viết.

Mỗi tiết ôn tập – kiểm tra miệng đều có yêu cầu kiểm tra khả năng đọc, HTL của HS, tiếp đó là một số bài luyện tập chính tả, luyện từ và câu, tập làm văn. GV chú ý trong mỗi tiết, cần lấy điểm kiểm tra kĩ năng đọc thành tiếng, HTL của khoảng 1/6 lớp HS. Xem đó là 1 điểm đọc cuối học kì II.

Tiết 1

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Kiểm tra lấy điểm tập đọc và HTL, kết hợp kiểm tra kĩ năng đọc – hiểu (HS trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung bài đọc).

Yêu cầu về kĩ năng đọc thành tiếng : HS đọc trôi chảy các bài tập đọc đã học từ HKII của lớp 4 (phát âm rõ, tốc độ đọc tối thiểu 120 chữ / phút ; biết ngừng nghỉ sau các dấu câu, giữa các cụm từ, biết đọc diễn cảm thể hiện đúng nội dung văn bản nghệ thuật).

2. Hệ thống hoá một số điều cần ghi nhớ về tác giả, thể loại, nội dung chính của các bài tập đọc thuộc 2 chủ điểm Khám phá thế giới và Tình yêu cuộc sống.

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Phiếu viết tên từng bài tập đọc và HTL trong 15 tuần học sách *Tiếng Việt 4, tập hai* (gồm cả văn bản phổ biến khoa học, báo chí) :

+ 12 phiếu. Trong đó : có 7 phiếu – mỗi phiếu ghi tên 1 bài tập đọc từ tuần 29 đến tuần 34 (*Đường đi Sa Pa, Hơn một nghìn ngày vòng quanh trái đất, Ăng-co Vát, Con chuồn chuồn nước, Vương quốc vắng nụ cười, Tiếng cười là liều thuốc bổ, Ăn "mầm đá"*). 5 phiếu ghi tên 5 bài TD thuộc các tuần từ 19 đến 27 (VD : *Hoa học trò, Vẽ về cuộc sống an toàn, Khuất phục tên cướp biển, Ga-vrốt ngoài chiến luỹ, Dù sao trái đất vẫn quay !*).

+ 7 phiếu – mỗi phiếu ghi tên 1 bài tập đọc có yêu cầu HTL (*Chợ Tết, Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Trăng ơi... từ đâu đến, Dòng sông mặc áo, Ngắm trăng, Không dè, Con chim chiến chiến*).

– Một số tờ phiếu khổ to kẻ sẵn bảng ở BT2 để HS điền vào chỗ trống.

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài

– GV giới thiệu nội dung học tập của tuần 35 : Ôn tập, củng cố kiến thức và kiểm tra kết quả học môn Tiếng Việt của HS trong năm học.

– Giới thiệu MĐ, YC của tiết ôn tập.

2. Kiểm tra TD và HTL (khoảng 1/6 số HS trong lớp)

GV cần căn cứ vào số HS trong lớp, phân phối thời gian hợp lý để mỗi HS đều có điểm. Cách kiểm tra như sau :

- Từng HS lên bốc thăm chọn bài (sau khi bốc thăm, được xem lại bài khoảng 1 – 2 phút).
- HS đọc trong SGK (hoặc đọc thuộc lòng) 1 đoạn hoặc cả bài theo chỉ định trong phiếu.
- GV đặt 1 câu hỏi về đoạn vừa đọc, HS trả lời.
- GV cho điểm theo hướng dẫn của Vụ Giáo dục Tiểu học. HS nào đọc không đạt yêu cầu, GV cho các em về nhà luyện đọc để kiểm tra lại trong tiết học sau.

3. Bài tập 2 (*Ghi lại những điều cần nhớ về các bài tập đọc là truyện kể trong hai chủ điểm "Khám phá thế giới" hoặc "Tình yêu cuộc sống".*)

- HS đọc yêu cầu của bài. GV nhắc các em lưu ý chỉ ghi lại những điều cần nhớ về các bài TD thuộc 1 trong 2 chủ điểm (*Khám phá thế giới* hoặc *Tình yêu cuộc sống*) ; giao cho 1/2 số HS trong lớp tổng kết nội dung chủ điểm *Khám phá thế giới*, số còn lại – chủ điểm *Tình yêu cuộc sống*.
- GV phát bút dạ và phiếu cho các nhóm thi làm bài (mỗi nhóm 4 HS). Để tốc độ làm bài nhanh, nhóm trưởng có thể chia cho mỗi bạn đọc và viết về 2 bài TD thuộc 1 chủ điểm.
- Đại diện các nhóm dán nhanh kết quả làm bài lên bảng lớp, trình bày. Tổ trọng tài và GV nhận xét theo các yêu cầu : nội dung ghi ở từng cột (có chính xác không ?), lời trình bày (có rõ ràng, mạch lạc không ?).

Bảng kết quả :

Khám phá thế giới

TT	Tên bài	Tác giả	Thể loại	Nội dung chính
1	<i>Đường đi Sa Pa</i>	NGUYỄN PHAN HÁCH	văn xuôi	Ca ngợi cảnh đẹp Sa Pa, thể hiện tình cảm yêu mến cảnh đẹp đất nước.
2	<i>Trăng ơi ... từ đâu đến ?</i>	TRẦN ĐĂNG KHOA	thơ	Thể hiện tình cảm gắn bó với trăng, với quê hương, đất nước.
3	<i>Hơn một nghìn ngày vòng quanh trái đất</i>	HỒ DIỆU TẨN, ĐỖ THÁI	văn xuôi	Ma-gien-lăng cùng đoàn thuỷ thủ trong chuyến thám hiểm hơn một nghìn ngày đã khẳng định trái đất hình cầu, phát hiện Thái Bình Dương và nhiều vùng đất mới.

4	<i>Dòng sông mặc áo</i>	NGUYỄN TRỌNG TẠO	thơ	Dòng sông duyên dáng luôn đổi màu – sáng, trưa, chiều, tối – như mỗi lúc lại khoác lên mình một chiếc áo mới.
5	<i>Ăng-co Vát</i>	Sách NHỮNG KÌ QUAN THẾ GIỚI	văn xuôi	Ca ngợi vẻ đẹp của khu đèn Ăng-co Vát, Cam-pu-chia.
6	<i>Con chuồn chuồn nước</i>	NGUYỄN THẾ HỘI	văn xuôi	Miêu tả vẻ đẹp của con chuồn chuồn nước, thể hiện tình yêu đối với quê hương.

Tình yêu cuộc sống

TT	Tên bài	Tác giả	Thể loại	Nội dung chính
1	<i>Vương quốc vắng nụ cười</i>	TRẦN ĐỨC TIẾN	văn xuôi	Một vương quốc rất buồn chán, có nguy cơ tàn lụi vì vắng tiếng cười. Nhờ một chú bé, nhà vua và cả vương quốc biết cười, thoát khỏi cảnh buồn chán và nguy cơ tàn lụi.
2	<i>Ngắm trăng, Không dè</i>	HỒ CHÍ MINH	thơ	Hai bài thơ sáng tác trong hai hoàn cảnh rất đặc biệt đều thể hiện tinh thần lạc quan, yêu đời của Bác Hồ.
3	<i>Con chim chiến chiến</i>	HUY CẨN	thơ	Hình ảnh con chim chiến chiến bay lượn, hát ca giữa không gian cao rộng, thanh bình là hình ảnh của cuộc sống ấm no, hạnh phúc, gieo trong lòng người cảm giác yêu đời, yêu cuộc sống.
4	<i>Tiếng cười là liều thuốc bổ</i>	Báo GIÁO DỤC VÀ THỜI ĐẠI	văn xuôi	Tiếng cười, tính hài hước làm cho con người khoẻ mạnh, sống lâu hơn.
5	<i>Ăn "mầm dá"</i>	TRUYỀN DÂN GIAN VIỆT NAM	văn xuôi	Ca ngợi Trạng Quỳnh thông minh, vừa biết cách làm cho chúa ăn ngon miệng, vừa khéo răn chúa.

3. Củng cố, dặn dò

- GV nhận xét tiết học.
- Dặn những em chưa có điểm kiểm tra đọc hoặc kiểm tra chưa đạt yêu cầu về nhà tiếp tục luyện đọc.

Tiết 2

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc và HTL (Yêu cầu như tiết 1).
2. Hệ thống hoá, củng cố vốn từ và kỹ năng dùng từ thuộc 2 chủ điểm *Khám phá thế giới* và *Tình yêu cuộc sống*.

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- Phiếu viết tên từng bài tập đọc và HTL (như tiết 1).
- Một số tờ phiếu khổ to kẻ bảng thống kê để HS làm BT2 (xem mẫu ở dưới).

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. **Giới thiệu bài :** GV nêu MD, YC của tiết ôn tập.
2. **Kiểm tra TD và HTL (1/6 số HS trong lớp) :** Thực hiện như tiết 1.
3. **Hướng dẫn làm bài tập**

Bài tập 2 (Lập bảng thống kê các từ đã học)

– HS đọc yêu cầu của bài. GV nhắc các em lưu ý yêu cầu của bài : ghi lại những từ đã học trong các tiết MRVT ở 1 trong 2 chủ điểm *Khám phá thế giới* và *Tình yêu cuộc sống*.

– GV giao cho 1/2 số HS trong lớp thống kê các từ ngữ đã học trong 2 tiết MRVT thuộc chủ điểm *Khám phá thế giới* (tuần 29, tr.105 ; tuần 30, tr.116), số còn lại – 2 tiết MRVT thuộc chủ điểm *Tình yêu cuộc sống* (tuần 33, tr.145 ; tuần 34, tr.155).

– HS các nhóm thi làm bài (trên tờ phiếu GV đã phát). Đại diện các nhóm dán nhanh kết quả làm bài lên bảng lớp, trình bày. Cả lớp và GV nhận xét, chốt lại lời giải.

Bảng tổng kết :

Khám phá thế giới

Hoạt động du lịch

Đồ dùng cần cho chuyến du lịch	va li, cần câu, lều trại, quần áo bơi, quần áo thể thao, dụng cụ thể thao (bóng, lưới, vợt, quả cầu,...), thiết bị nghe nhạc, điện thoại, đồ ăn, nước uống,...
Phương tiện giao thông...	tàu thuỷ, bến tàu, tàu hỏa, ô tô con, máy bay, tàu điện, xe buýt, ga tàu, sân bay, bến xe, vé tàu, vé xe, xe máy, xe đạp, xích lô,...
Tổ chức, nhân viên phục vụ du lịch	khách sạn, hướng dẫn viên, nhà nghỉ, phòng nghỉ, công ty du lịch, tuyến du lịch, tua du lịch,...

Địa điểm tham quan, du lịch	phố cổ, bãi biển, công viên, hồ, núi, thác nước, đền, chùa, di tích lịch sử, bảo tàng, nhà lưu niệm
-----------------------------	--

Hoạt động thám hiểm

Đồ dùng cần cho cuộc thám hiểm	là bàn, lều trại, thiết bị an toàn, quần áo, đồ ăn, nước uống, đèn pin, dao, bật lửa, diêm, vũ khí,...
Khó khăn, nguy hiểm cần vượt qua	bão, thú dữ, núi cao, vực sâu, rừng rậm, sa mạc, tuyết, mưa gió, sóng thần,...
Những đức tính cần thiết của người tham gia đoàn thám hiểm	kiên trì, dũng cảm, can đảm, táo bạo, bền gan, bền chí, thông minh, nhanh nhẹn, sáng tạo, ưa mạo hiểm, tò mò, hiếu kì, ham hiểu biết, thích khám phá, thích tìm tòi, không ngại khó ngại khổ,...

Tình yêu cuộc sống

Những từ có tiếng <i>lạc</i> (<i>lạc</i> nghĩa là vui, mừng)	lạc quan, lạc thú
Những từ phức chứa tiếng <i>vui</i>	vui chơi, giúp vui, mua vui, vui thích, vui mừng, vui sướng, vui lòng, vui thú, vui vui, vui tính, vui nhộn, vui tươi, vui vẻ
Từ miêu tả tiếng cười	cười khanh khách, cười rúc rích, cười ha hả, cười hì hì, cười hi hí, cười hơ hơ, hơ hớ, khành khách, khênh khênh, khùng khục, khúc khích, khinh khích, rinh rích, sảng sặc, sắc sụa,...

Bài tập 3 (Giải nghĩa và đặt câu với các từ đã thống kê được)

- HS đọc yêu cầu của bài tập.
- GV giúp HS nắm yêu cầu, mời 1 HS làm mẫu trước lớp : giải nghĩa một từ đã thống kê được, đặt câu với từ đó.

VD : từ *góp vui* : góp thêm, làm cho mọi người thêm vui. Đặt câu : *Hoạt cảnh kịch "Ở Vương quốc Tương lai" do lớp em dàn dựng đã thực sự góp vui cho đêm liên hoan văn nghệ của trường.*

4. Củng cố, dặn dò

- GV nhận xét tiết học.
- Yêu cầu HS vẽ nhà quan sát trước cây xương rồng (nếu có) hoặc sưu tầm tranh, ảnh cây xương rồng, chuẩn bị cho tiết 3 (viết đoạn văn tả cây xương rồng). Dặn những em chưa có điểm kiểm tra đọc hoặc kiểm tra chưa đạt tiếp tục luyện đọc.

Tiết 3

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc và HTL (yêu cầu như tiết 1).
2. Ôn luyện viết đoạn văn miêu tả cây cối (tả cây xương rồng).

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- Phiếu viết tên từng bài tập đọc và HTL (như tiết 1).
- Tranh vẽ cây xương rồng trong SGK hoặc ảnh cây xương rồng (nếu có).

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài : GV nêu MĐ, YC của tiết ôn tập.

2. Kiểm tra TĐ và HTL (1/6 số HS trong lớp) : Thực hiện như tiết 1.

3. Viết đoạn văn tả cây xương rồng

– HS đọc nội dung bài tập, quan sát tranh minh họa trong SGK, ảnh cây xương rồng (GV và HS sưu tầm).

– GV giúp HS hiểu đúng yêu cầu của bài :

+ Dựa theo những chi tiết mà bài văn trong SGK cung cấp và những quan sát của riêng mình, mỗi em viết một đoạn văn khác miêu tả cây xương rồng.

+ Đoạn văn đã cho lấy từ sách phổ biến khoa học, tả rất tỉ mỉ về loài cây xương rồng (thân, cành, lá, hoa, quả, nhựa..). Các em cần đọc kỹ để có hiểu biết về cây xương rồng. Trên cơ sở đó, mỗi em viết một đoạn văn tả một cây xương rồng cụ thể mà em đã thấy ở đâu đó.

+ Chú ý miêu tả những đặc điểm nổi bật của cây, đưa ý nghĩ, cảm xúc của mình vào đoạn tả.

– HS viết đoạn văn.

– Một số HS đọc đoạn văn. GV nhận xét, chấm điểm những đoạn viết tốt.

4. Củng cố, dặn dò

– GV yêu cầu những HS viết đoạn văn tả cây xương rồng chưa đạt, về nhà sửa chữa, hoàn chỉnh, viết lại vào vở.

– Dặn những em chưa có điểm kiểm tra đọc hoặc kiểm tra chưa đạt về nhà tiếp tục luyện đọc.

Tiết 4

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Ôn luyện về các kiểu câu (câu hỏi, câu kể, câu cảm, câu khiển).
2. Ôn luyện về trạng ngữ.

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- Tranh minh họa bài đọc trong SGK
- Một số tờ phiếu kẻ bảng để HS làm BT1,2.

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

- 1. Giới thiệu bài.** GV nêu MĐ, YC của tiết ôn tập.
- 2. Bài tập 1, 2** (*Đọc truyện "Có một lần". Tìm 1 câu hỏi, 1 câu kể, 1 câu cảm, 1 câu khiển*).
 - Hai HS tiếp nối nhau đọc nội dung BT1, 2.
 - Cả lớp đọc lướt lại truyện *Có một lần* (không đọc thành tiếng), nói nội dung truyện : Sự hối hận của một HS vì đã nói dối, không xứng đáng với sự quan tâm của cô giáo và các bạn.
 - HS đọc thầm lại truyện, tìm các câu kể, hỏi, cảm, khiển trong bài đọc. GV phát phiếu cho HS làm bài theo cặp hoặc nhóm nhỏ, nhắc các em có thể tìm nhiều hơn 1 câu với mỗi loại. Sau thời gian quy định, đại diện các nhóm trình bày kết quả. GV nhận xét, chốt lại lời giải.
 - HS làm bài vào vở theo lời giải đúng :

Câu hỏi	. Răng em đau, phải không ?
Câu cảm	. Ôi, răng đau quá !
	. Bộng răng sưng của bạn ấy chuyển sang má khác rồi !
Câu khiển	. Em về nhà đi !
	. Nhìn kia !
Câu kể	. (Các câu còn lại trong bài). VD : <i>Có một lần, trong giờ tập đọc, tôi nhét tờ giấy thấm vào mồm. / Thế là má sưng phồng lên. / Nhưng tôi không muốn về nhà. /...</i>

3. Bài tập 3 (Tim trạng ngữ...)

Cách tổ chức hoạt động tương tự BT2.

Lời giải :

Câu có trạng ngữ chỉ thời gian	<u>Có một lần, trong giờ tập đọc, tôi nhét tờ giấy thấm vào mồm.</u>
Câu có trạng ngữ chỉ nơi chốn	<u>Ngồi trong lớp, tôi lấy lưỡi đẩy đi đẩy lại cục giấy thấm trong mồm...</u>

4. Củng cố, dặn dò

- GV nhận xét tiết học. Yêu cầu HS về nhà xem lại lời giải BT2, 3.
- Dặn những em chưa có điểm kiểm tra đọc về nhà tiếp tục luyện đọc.

Tiết 5

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc và HTL (yêu cầu như tiết 1).
2. Nghe thầy (cô) đọc, viết đúng chính tả, trình bày đúng bài thơ *Nói với em*.

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

Phiếu viết tên từng bài tập đọc và HTL (như tiết 1).

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

- 1. Giới thiệu bài.** GV nêu MĐ, YC của tiết ôn tập.
- 2. Kiểm tra TĐ và HTL** (1/6 số HS trong lớp) : Thực hiện như tiết 1.
- 3. Nghe – viết bài "Nói với em"**
 - GV đọc 1 lần bài thơ *Nói với em*. Cả lớp theo dõi trong SGK.
 - HS đọc thầm lại bài thơ. GV nhắc các em chú ý cách trình bày từng khổ thơ, những từ ngữ mình dễ viết sai (*lòng gió, lích rích, chìa vôi, sóm khuya,...*).
 - HS nói về nội dung bài thơ. (Trẻ em sống giữa thế giới của thiên nhiên, thế giới của chuyện cổ tích, giữa tình yêu thương của cha mẹ). HS gấp SGK. GV đọc từng câu hoặc từng bộ phận ngắn trong câu cho HS viết.
 - Trình tự tiếp theo như đã hướng dẫn.
- 4. Củng cố, dặn dò**
 - GV yêu cầu HS về nhà luyện đọc bài thơ *Nói với em*.
 - Dặn HS quan sát hoạt động của chim bồ câu hoặc sưu tầm thêm tranh, ảnh minh họa hoạt động của bồ câu, chuẩn bị cho tiết 6 (viết đoạn văn tả chim bồ câu).

Tiết 6

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc và HTL (yêu cầu như tiết 1).
2. Ôn luyện viết đoạn văn miêu tả hoạt động của con vật (chim bồ câu).

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- Phiếu viết tên từng bài tập đọc và HTL (như tiết 1).
- Tranh minh họa hoạt động của chim bồ câu trong SGK ; thêm một số tranh, ảnh bồ câu (nếu có).

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài. GV nêu MĐ, YC của tiết ôn tập.

2. Kiểm tra TĐ và HTL (số HS còn lại) : Thực hiện như tiết 1.

3. Viết đoạn văn tả hoạt động của chim bồ câu

– HS đọc nội dung bài tập, quan sát tranh minh họa bồ câu trong SGK, tranh, ảnh về hoạt động của bồ câu (GV và HS sưu tầm).

– GV giúp HS hiểu đúng yêu cầu của bài :

+ Dựa theo những chi tiết mà đoạn văn trong SGK cung cấp và những quan sát của riêng mình, mỗi em viết một đoạn văn khác miêu tả hoạt động của chim bồ câu.

+ Đoạn văn đã cho trích từ sách phổ biến khoa học, tả tỉ mỉ về hoạt động đi lại của bồ câu, giải thích vì sao bồ câu lắc lư đầu liên tục, các em cần đọc tham khảo, kết hợp với quan sát của riêng mình để viết được một đoạn văn tả hoạt động của những con bồ câu các em đã thấy.

+ Chú ý miêu tả những đặc điểm nổi bật của bồ câu, đưa ý nghĩ, cảm xúc của mình vào đoạn miêu tả.

– HS viết đoạn văn.

– Một số HS đọc đoạn văn. GV nhận xét, chấm điểm.

4. Củng cố, dặn dò

– GV yêu cầu những HS viết đoạn văn tả hoạt động của chim bồ câu chưa đạt, về nhà sửa chữa, hoàn chỉnh, viết lại vào vở.

– Dặn HS về nhà làm thử bài luyện tập ở tiết 7, 8 và chuẩn bị giấy bút để làm bài kiểm tra viết cuối năm.

Tiết 7 Kiểm tra

ĐỌC – HIỂU, LUYỆN TỪ VÀ CÂU (Thời gian làm bài khoảng 30 phút)

Dựa theo đề luyện tập in trong SGK (tiết 7), các địa phương tự ra đề kiểm tra theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Gợi ý :

– Văn bản có độ dài khoảng 200 chữ. Chọn văn bản phù hợp với các chủ điểm đã học và với trình độ của HS lớp 4.

– Phân câu hỏi và bài tập không quá 8 câu (ra đề kiểu trắc nghiệm lựa chọn), trong đó có khoảng 4 câu kiểm tra sự hiểu bài và 4 câu kiểm tra về từ và câu (gắn với những kiến thức đã học).

– Thời gian làm bài khoảng 30 phút (không kể thời gian giao đề và giải thích đề). Các bước tiến hành như sau :

+ GV phát đề kiểm tra cho từng HS (Với những vùng khó khăn không có điều kiện phô-tô đề, GV chép sẵn đề kiểm tra lên bảng hoặc viết ra giấy khổ rộng để dán lên bảng).

+ GV hướng dẫn HS nắm vững yêu cầu của bài, cách làm bài (chọn ý đúng/ ý đúng nhất hoặc đánh dấu ✕ vào ô trống trước câu trả lời đúng/đúng nhất). Mỗi câu hỏi trong đề luyện tập ở tiết 7 (trên văn bản *Gu-li-vơ ở xứ sở tí hon*) chỉ yêu cầu chọn trong các phương án trả lời (có cả ý đúng lẫn ý sai) – một phương án duy nhất đúng.

+ HS đọc thật kĩ bài văn, thơ trong khoảng thời gian 15 phút. (GV nhắc HS không được chủ quan vì đọc không kĩ văn bản sẽ giải bài tập sai).

+ HS khoanh tròn chữ cái trước ý đúng/đúng nhất (hoặc đánh dấu ✕ vào ô trống trước ý đúng/đúng nhất) trong giấy kiểm tra để trả lời câu hỏi. GV nhắc HS : Lúc đầu tạm đánh dấu ✕ vào ô trống bằng bút chì. Làm bài xong, kiểm tra lại kết quả bằng cách đọc kĩ lại bài văn (thơ), rà soát lời giải, cuối cùng, đánh dấu chính thức bằng bút mực.

Ở những nơi không có điều kiện phô-tô đề cho từng HS, các em chỉ cần ghi vào giấy kiểm tra số thứ tự câu hỏi và kí hiệu a, b, c để trả lời. VD, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm trong bài luyện tập tiết 7 (SGK) :

Câu 1 : ô thứ 2 (*Gu-li-vơ*)

Câu 2 : ô thứ 3 (*Li-li-pút, Bli-phút*)

Câu 3 : ô thứ 2 (*Bli-phút*)

Câu 4 : ô thứ 2 (*Vì trông thấy Gu-li-vơ quá to lớn*)

Câu 5 : ô thứ 1 (*Vì Gu-li-vơ ghét chiến tranh xâm lược, yêu hoà bình*)

Câu 6 : ô thứ 3 (*Hoà bình*)

Câu 7 : ô thứ 1 (*Câu kể*)

Câu 8 : ô thứ 2 (*Quân trên tàu*)

Tiết 8
Kiểm tra
CHÍNH TẢ – TẬP LÀM VĂN
(Thời gian làm bài khoảng 40 phút)

Dựa theo đề luyện tập in trong SGK (tiết 8), các địa phương tự ra đề kiểm tra theo hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo.

Gợi ý :

1. Chính tả : Chọn một đoạn văn xuôi hoặc thơ có độ dài khoảng dưới 70 chữ, viết trong thời gian khoảng 10 phút. Chọn văn bản phù hợp với các chủ điểm đã học và với trình độ của HS lớp 4.

2. Tập làm văn : HS viết một đoạn văn (thuộc phần thân bài) miêu tả (đồ vật, cây cối, con vật) đã học trong HK2. Thời gian làm bài khoảng 30 phút.

Hình thức để kiểm tra (phô-tô phát cho từng HS)

Họ và tên :

Lớp : 4.....

Ngày ... tháng ... năm 200...

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II – MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4
BÀI KIỂM TRA ĐỌC

A – ĐỌC THẦM

(30 phút)

Gu-li-vơ ở xứ sở tí hon

Trong một lần đi biển, Gu-li-vơ tình cờ lạc vào xứ sở của người Li-li-pút tí hon.

Anh được vua nước Li-li-pút mời ở lại và trở thành một người khổng lồ giữa những người chỉ bé bằng ngón tay cái. Dưới đây là câu chuyện của anh.

Một buổi sáng, ngài tổng tư lệnh bắt ngờ đến thăm tôi. Đứng trên lòng bàn tay tôi, ngài báo tin nước láng giềng Bli-phút hùng mạnh đang tập trung hải quân bên kia eo biển, chuẩn bị kéo sang. Nhà vua lệnh cho tôi đánh tan hạm đội địch.

Thế là tôi đi ra bờ biển. Quan sát bằng ống nhòm, tôi thấy địch có độ năm mươi chiến hạm. Tôi bèn cho làm năm mươi móc sắt to, buộc vào dây cáp, rồi ra biển. Chưa đầy nửa giờ, tôi đã đến sát hạm đội địch. Quân trên tàu trông thấy tôi, phát khiếp, nhảy ào xuống biển, bơi vào bờ. Tôi lấy dây cáp móc vào từng tàu chiến một rồi buộc tất cả đầu dây vào nhau, kéo về Li-li-pút.

Khỏi phải nói nhà vua mừng như thế nào. Ngài còn muốn nhân dịp này biến Bli-phút thành một tỉnh của nước ngài. Nhưng tôi cố thuyết phục ngài từ bỏ ý định ấy. Khoảng ba tuần sau, nước Bli-phút cử một đoàn đại biểu sang thương lượng và hai bên đã kí một hoà ước lâu dài.

Theo J. XUÝP
Đỗ Đức Hiểu dịch

B – DỰA VÀO NỘI DUNG BÀI ĐỌC, ĐÁNH DẤU X VÀO Ô TRỐNG TRƯỚC Ý TRẢ LỜI ĐÚNG

1. Nhân vật chính trong đoạn trích tên là gì ?

- Li-li-pút
- Gu-li-vơ
- Không có tên

2. Có những nước tí hon nào trong đoạn trích này ?

- Li-li-pút
- Bli-phút
- Li-li-pút, Bli-phút

3. Nước nào định đem quân xâm lược nước láng giềng ?

- Li-li-pút
- Bli-phút
- Cả hai nước

4. Vì sao khi trông thấy Gu-li-vơ, quân địch "phát khiếp" ?

- Vì thấy người lạ.
- Vì trông thấy Gu-li-vơ quá to lớn.
- Vì Gu-li-vơ mang theo nhiều mộc sắt.

5. Vì sao Gu-li-vơ khuyên nhà vua nước Li-li-pút từ bỏ ý định biến nước Bli-phút thành một tỉnh của Li-li-pút ?

- Vì Gu-li-vơ ghét chiến tranh xâm lược, yêu hoà bình.
- Vì Gu-li-vơ ngại đánh nhau với quân địch.
- Vì Gu-li-vơ đang sống ở nước Bli-phút.

6. Nghĩa của chữ **hoà** trong **hoà ước** giống nghĩa của chữ **hoà** nào dưới đây ?

- Hoà nhau
- Hoà tan
- Hoà bình

7. Câu **Nhà vua lệnh cho tôi đánh tan hạm đội địch** là loại câu gì ?

- Câu kể
- Câu hỏi
- Câu khiển

8. Trong câu **Quân trên tàu trông thấy tôi, phát khiếp**, bộ phận nào là chủ ngữ ?

- Tôi
- Quân trên tàu
- trông thấy